

Bản án số: 158/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2021.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Hòa.
2. Bà Phan Thanh Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Thắng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 503/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/9/2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1980; Địa chỉ: 67/20 Đào Tông Nguyên, tổ 26, Khu phố 7, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lin, Cheng-Y, sinh năm 1977. Quốc tịch: Trung Quốc (ĐL); Địa chỉ: Số 212, đường ĐL, ấp 007, xã ĐT, khu Đ, Thành phố GN, ĐL (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 19/8/2019, bản tự khai ngày 08/10/2019 của nguyên đơn Bà Đỗ Thị P trình bày: Bà và ông Lin, Cheng- Y tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 111 quyền số 01 do Ủy ban nhân dân tỉnh BR-VT cấp ngày 08/4/2010. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung hạnh phúc được 01 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai bên không hợp, bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn gia đình nhưng không đạt được kết quả nên ông Lin, Cheng- Y đã trở về ĐL sinh sống và làm việc, còn bà P vẫn sống ở Việt Nam. Hai vợ chồng

không còn liên lạc với nhau từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lin, Cheng- Y để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Quá trình chung sống, bà P và ông Lin, Cheng- Y có 01 con chung là trẻ Lin Yên Linh, sinh ngày 07/9/2012. Hiện nay, trẻ Lin Yên Linh đang sống ở ĐL cùng ông Lin, Cheng – Y. Bà đồng ý để ông Lin, Cheng- Y tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị P khai không có.

Ngày 10 tháng 02 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 98/UTTPDS- TA30 về thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp gửi Bộ Tư pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền ĐL thông báo việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai và thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thời gian xét xử vụ án đối với ông Lin, Cheng- Y.

Ngày 16/7/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được công văn số 1560/BTP-PLQT ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tư pháp về kết quả ủy thác tư pháp, theo đó cơ quan có thẩm quyền của ĐL không thực hiện được ủy thác tư pháp nêu trên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2020, Bà Đỗ Thị P có đơn yêu cầu Tòa án thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, Cổng thông tin điện tử của Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở ĐL về thông tin vụ án ly hôn, thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thời gian xét xử.

Ngày 12 tháng 10 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 16085/TAND-CV gửi Đại sứ quán Việt Nam tại ĐL đề nghị niêm yết công khai văn bản tố tụng tại trụ sở Đại sứ quán Việt Nam tại ĐL và thông báo tố tụng về việc giải quyết vụ án trên cổng thông tin điện tử của Quý cơ quan.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 22/01/2021, bà P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà do bà bận công việc không sắp xếp được thời gian để tham gia trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Lin, Cheng- Y đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng không có phản hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử sơ thẩm” tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Đỗ Thị P được ly hôn với ông Lin, Cheng- Y.

Con chung: Giao con chung tên Lin Yên L, sinh ngày 07/9/2012 cho ông Lin, Cheng – Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung, nợ chung: Bà P khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Bà Đỗ Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lin, Cheng- Y. Bị đơn có địa chỉ tại Số 212, đường Đài Lâm, ấp 007, xã Đĩnh Trang, khu Đông, Thành phố Gia Nghĩa, ĐL. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án hôn nhân và gia đình về Ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án ủy thác tư pháp thông báo thời gian xét xử nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 111 quyền số 01 do Ủy ban nhân dân tỉnh BR-VT cấp ngày 08/4/2010 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà Đỗ Thị P và ông Lin, Cheng- Y là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, tại bản tự khai của bà P khai sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung hạnh phúc được 01 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai bên không hợp, bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn gia đình nhưng không đạt được kết quả nên ông Lin, Cheng- Y đã trở về ĐL sinh sống và làm việc, còn bà P vẫn sống ở Việt Nam nên hôn nhân chỉ tồn tại về mặt pháp lý. Tòa án cũng đã thực hiện ủy thác tư pháp gửi Bộ Tư

pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của ĐL tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thời gian hòa giải, xét xử cho ông Lin, Cheng- Y nhưng không thành, Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết công khai tại trụ sở Đại sứ quán Việt Nam tại ĐL và thông báo tổ tụng về việc giải quyết vụ án trên cổng thông tin điện tử vẫn không được ông Lin, Cheng- Y trả lời hay có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân của ông và bà P, qua đó cho thấy ông Lin, Cheng- Y không còn quan tâm tới mối quan hệ hôn nhân này. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng bà P và ông Lin, Cheng- Y mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng càng không có điều kiện vun đắp, hàn gắn nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung: Giao con chung tên Lin Yên L, sinh ngày 07/9/2012 cho ông Lin, Cheng- Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P về việc cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị P khai không có.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[4.1] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0024370 ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Bà P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[4.2] Về chi phí tố tụng khác: Bà P phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bà P nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với ông Lin, Cheng- Y thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 469, điểm c khoản 6 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Đỗ Thị P.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị P được ly hôn với ông Lin, Cheng- Y.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 111 quyền số 01 do Ủy ban nhân dân tỉnh BR-VT cấp ngày 08/4/2010 cho Bà Đỗ Thị P và ông Lin, Cheng- Y không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Lin Yên Linh, sinh ngày 07/9/2012 cho ông Lin, Cheng- Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P về việc cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Bà P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Lin, Cheng- Y nếu ông Lin, Cheng- Y lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1. Về án phí: Nguyên đơn Bà Đỗ Thị P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0024370 ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Bà P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Về chi phí tố tụng khác: Bà P phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

3. Thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bà Đỗ Thị P nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với ông Lin, Cheng- Y thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND tỉnh BR-VT;
- Dương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Khánh